

Bản án số: 56/2021/HSST

Ngày: 22/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Luận

Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Toán Cường- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2021/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/HSST-QĐXX ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; HKTT: Ngõ 1, phố T, phường K, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12;; Họ tên bố dượng: Nguyễn Quang V, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Trần Mai L, sinh năm 1973; Có vợ: Nguyễn Minh N sinh năm 1994 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 con, sinh năm 2020; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 92/2017/HSPT ngày 17/03/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 4 năm tù về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại Khoản 1, Điều 313 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 26/7/2019, Tùng đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án.

Nhân thân: Tại bản án số 257/2008/HSST ngày 31/12/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 133 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1977; Trú tại: Số 590 đường Nguyễn Văn C, phường G, quận L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 19/11/2020, tại nghỉ H ở số 5 Hồ Ngọc L, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, tổ công tác của Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Phòng Cảnh sát ma túy Công an tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang Nguyễn Quang T, sinh năm 1991, trú tại Ngõ 1 phố T, phường K, quận B, thành phố Hà Nội đang có hành vi Tàng trữ tiền giả. Khi tổ công tác tiến hành kiểm tra, T đã tự giác giao nộp 26 tờ tiền mệnh giá 500.0000 đồng và khai nhận số tiền trên là giả do Nguyễn Thu H, sinh năm 1977, trú tại số 590 đường Nguyễn Văn C, tổ 15, phường G, quận L, thành phố Hà Nội và Duy A (bạn trai của H) đưa cho T mang về nhà nghỉ H để giao cho một nam thanh niên T gọi là “Cò T” và lấy 3.500.000 đồng tiền thật mang về cho H. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ tại tay trái của T đang cầm số tiền 1.315.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng) và thu giữ 02 chiếc điện thoại (trong túi quần bên trái phía trước của T đang mặc), trong đó có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REDMI có ốp lưng màu đen, mở ra trong ốp lưng có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tổ công tác đã tiến hành niêm phong 26 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng vào phong ký thư ký hiệu M1; số tiền 1.315.000đ vào phong bì ký hiệu M2 và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng vào phong bì thư ký hiệu M3 theo quy định, đồng thời lập biên bản phạm tội quả tang. Khi bị bắt quả tang do T biết số tiền trên người T là tiền giả nên T đã khai thông tin là Nguyễn Tùng A, sinh năm 1990 trú tại Số 3 Vân Hồ, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cùng ngày, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã yêu cầu Nguyễn Thu H và Nguyễn Duy A, sinh năm 1986, trú tại Số 742, Khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đến làm việc. Đồng thời ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thu H tại số 590 Nguyễn Văn C, tổ 15, phường G, quận L, thành phố Hà Nội. Quá trình khám xét đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 CPU màu ghi đen đã qua sử dụng đề nhãn MAX và SAMSUNG đã được niêm phong kín.

- 01 máy in màu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn, HP có số seri CN9BBĐĐ240 đã được niêm phong kín.

- 01 máy in kết hợp scan copy tài liệu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn HP, có số seri CN0BG33GTM đã được niêm phong kín.

- 01 cuộn nilong màu trắng đã sử dụng, đã được niêm phong kín.

- 02 túi bột màu trắng (được bọc ngoài bằng túi nilon màu trắng); 01 túi nilon màu xanh bên trong có chất bột màu trắng (đã niêm phong theo quy định)

- 01 cuộn giấy bọc đã qua sử dụng, 01 cóong để sử dụng ma túy trên nắp có 02 ống hút bằng nhựa màu đen.

Trên cơ sở quyết định Trưng cầu giám định, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành giám định và ban hành các bản kết luận sau:

Tại kết luận số 151 kết luận: “- 26 tờ tiền Việt Nam cùng mệnh giá 500.000 đồng trong phong bì M1 là giả;

- 01 tờ tiền Việt Nam 500.000đ có số seri WF15069393 và 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ có số seri lần lượt là RS19139896, QO13384771, CI19487748, EH19928923, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ có số seri AW11364930, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ có số seri YO0206231 bên trong phong bì ký hiệu M2 là thật;

- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri II6465626, trên tờ tiền có chữ ký của Nguyễn Tùng Anh bên trong phong bì ký hiệu M3 là giả”.

Tại kết luận số 701 ngày 23/11/2020 kết luận: “Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng có khối lượng là 43,7835 gam; Không phải là ma túy. Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilon nhỏ màu trắng có khối lượng là 1,7531 gam; Không phải là ma túy. Chất bột màu trắng bên trong 01 (một) túi nilon màu xanh có khối lượng là 109,3624 gam; Không phải là ma túy. Chất lỏng bên trong 01 (một) chai nhựa màu trắng có thể tích là 3ml; Không phải là ma túy. Chất lỏng bên trong 01 (một) chai thủy tinh màu trắng có thể tích là 109 ml; Không phải là ma túy. Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Quang T, Nguyễn Thu H, Nguyễn Duy A có chứa chất ma túy; Loại ma túy Methamphetamine.

Tại kết luận số 156 ngày 23/11/2020 kết luận: Trong cây vi tính gửi giám định không có file dữ liệu nào có hình ảnh liên quan đến các tờ tiền nghi là giả mà cơ quan ANDT đã gửi giám định. Sau khi giám định đã hoàn lại các mẫu vật gửi đến giám định theo quy định.

Với nội dung như trên, tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 15/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Tàng trữ tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 BLHS 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Quang T đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

T và Nguyễn Thu H, và Nguyễn Duy A là bạn bè quen biết xã hội. Ngày 12/11/2020 tại nhà H, T đã gặp và quen một người thanh niên được Duy A giới thiệu là “Cò Trung” là bạn của Duy A. Qua nói chuyện, Tùng nghe được việc H, Duy A đã giao dịch và bán tiền giả cho “Cò Trung” với giá 10.000.000đ tiền giả lấy 3.500.000đ tiền thật. Tiền giả được in ra từ máy tính và máy in ở nhà H. Sau đó, H có đưa cho T một tờ tiền giả mệnh giá 500.000đ và bảo T tiêu thử. Do tiền giả bị nát nên T đã để vào trong ốp lưng điện thoại Redmi màu xanh tím của T. Ngoài ra, T và “Cò Trung” còn nói chuyện làm ăn kinh doanh cùng nhau và được “Cò Trung” hứa cho một chiếc xe mô tô không giấy tờ để đi lại. Đến khoảng 01 giờ ngày 19/11/2020, T và T (không rõ địa chỉ) là bạn của T đến nhà H để sử dụng ma túy ngựa cùng với H và Duy A tại phòng của H ở tầng 2. Nguồn gốc số ma túy T sử dụng là do Tuấn mang đến. Sau khi sử dụng ma túy xong, H và Duy A bảo T lấy 13.000.000đ tiền giả gồm 26 tờ tiền mệnh giá 500.000đ để ở trên đĩa đặt trên mặt bàn trong phòng H đem về nhà Nghỉ Hoàng L ở phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giao cho “Cò Trung” để lấy 3.500.000đ tiền thật còn H và Duy A sẽ đi taxi về sau. T đồng ý và cầm số tiền giả trên đón xe taxi (không quen biết) đi về Bắc Ninh để giao cho “Cò Trung”. Do người lái xe taxi không biết đường và định vị không đúng nên đã đưa T đến nhà nghỉ H ở phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Lúc này, T đã sử dụng số điện thoại 0879148840 của T gọi cho “Cò Trung” có số điện thoại 0869112911 để hỏi thì “Cò Trung” nói đang đi cùng H và Duy A đến. Một lúc sau, xe taxi chở H, Duy A và “Cò Trung” đến gặp T. Sau đó, H và Duy A vào nhà nghỉ H thuê phòng nghỉ còn T và “Cò Trung” lên xe taxi khác đi đến nhà nghỉ Hoàng L. Khi ngồi trên xe, T đã đưa cho “Cò Trung” 13.000.000đ tiền giả. Khi đến nhà nghỉ Hoàng L “Cò Trung” bảo T lên phòng 302 nghỉ ngơi để hôm sau bàn chuyện làm ăn và lấy xe máy mà “Cò Trung” đã hứa cho T. Sau khi lên phòng, “Cò Trung” đã để lại 13.000.000đ tiền giả và đi ra ngoài. Một lúc sau thì lực lượng Công an vào kiểm tra và bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ tiền giả là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

* Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của BLHS đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội Tàng trữ tiền giả. Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số lượng tiền giả còn lại sau giám định trong phong bì thư có ký hiệu M1.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0879.148.840 bị cáo dùng để liên lạc vào việc phạm tội và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REDMI lắp sim số 0978.413.269 bị cáo dùng để cất tiền giả.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang Tùng số tiền số tiền 1.315.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với: 01 CPU màu ghi đen đã qua sử dụng đề nhãn MAX và SAMSUNG; 01 máy in màu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn, HP có số sêri CN9BBĐĐ240; 01 máy in kết hợp scan coppy tài liệu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn HP, có số sêri CN0BG33GTM, 01 cuộn nilong màu trắng, 02 túi bột màu trắng, 01 túi nilon màu xanh bên trong có chất bột màu trắng, 01 cuộn giấy bọc đã qua sử dụng, 01 cóong để sử dụng ma túy trên nắp có 02 ống hút bằng nhựa màu đen, là vật chứng không liên quan đến vụ án, Viện kiểm sát đã chuyển lại cho CQ điều tra để làm rõ hành vi của đối tượng H.

Bị cáo không tranh luận với ý kiến của đại diện VKS, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* *Về tội danh:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, do vậy có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Quang T đã có hành vi Tàng trữ 27 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ đều là tiền giả có trị giá tương ứng với tiền thật là 13.500.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Tàng trữ tiền giả, tội danh được quy định tại

khoản 2 Điều 207 BLHS như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

** Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an. Trong vụ án này, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội, với số tiền giả tàng trữ là 27 tờ mệnh giá 500.000đ; chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải có mức án thật nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và cũng để có thời gian cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

** Về tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo T có 01 tiền án năm 2017 bị Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 4 năm tù về tội “Che giấu tội phạm”, ngày 26/7/2019, T đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án nhưng đến nay chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

** Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Tuy nhiên, bị cáo lại là người có nhân thân xấu, 2 lần bị xét xử về các tội Cướp tài sản, Che giấu tội phạm nhưng sau khi ra tù vẫn không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ tiền giả với mục đích sử dụng, tiêu thụ ra thị trường, tuy nhiên chưa tiêu thụ, chưa được hưởng lợi gì từ việc tàng trữ tiền giả thì đã bị ngăn chặn, bắt quả tang; bị cáo không có công việc ổn định, đang nuôi 01 con nhỏ do vậy cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Liên quan đến vụ án, Nguyễn Thu H và Nguyễn Duy A không thừa nhận đã đưa số tiền giả trên cho T, không sử dụng ma túy cùng T và không biết người tên là “Cò Trung” là ai, ở đâu. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T và Duy A đối chất với nhau nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Còn H đã được triệu tập

nhiều lần nhưng không đến và hiện nay không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất giữa H và T được. Hiện tại chỉ có duy nhất lời khai của T khai về H và Duy A đưa tiền giả cho T. Vì vậy, chưa có đủ cơ sở để làm rõ, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với nam thanh niên có tên “Cò Trung” là người mua tiền giả, do T không biết, tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để xác minh. Khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

** Về xử lý vật chứng:*

- Đối với toàn bộ số tiền giả được cho vào phong bì thư có ký hiệu M1 hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bị cáo dùng để liên lạc vào việc phạm tội và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REDMI bị cáo dùng để cất tiền giả nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T số tiền số tiền 1.315.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 CPU màu ghi đen đã qua sử dụng đề nhãn MAX và SAMSUNG; 01 máy in màu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn, HP có số sêri CN9BBĐĐ240; 01 máy in kết hợp scan copy tài liệu đã qua sử dụng màu ghi đen đề nhãn HP, có số sêri CN0BG33GTM, 01 cuộn nilong màu trắng, 02 túi bột màu trắng, 01 túi nilon màu xanh bên trong có chất bột màu trắng, 01 cuộn giấy bọc đã qua sử dụng, 01 cóong để sử dụng ma túy trên nắp có 02 ống hút bằng nhựa màu đen thu giữ ở nhà chị Nguyễn Thu H không liên quan đến vụ án, Viện kiểm sát đã chuyển lại cho CQ điều tra để làm rõ hành vi của đối tượng H là phù hợp.

** Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.*

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

xử phạt: Nguyễn Quang T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 19/11/2020.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS 2015, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Quang T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu M1 niêm phong có chữ ký của Giám định viên và dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh trên niêm phong.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh tím đã qua sử dụng có số IMEI1: 868811047102315 và IMEI2: 868811048302310 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu ghi bạc đã qua sử dụng có số IMEI: 356610085008353.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T số tiền số tiền 1.315.000 đồng (trong phong bì ký hiệu M2) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 62/2021 ngày 15/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao; VKS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV27, PC10 CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh ;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chinh